

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA

Số: **87** /VKNQG-KHVT
V/v báo giá bảo trì, hiệu chuẩn
thiết bị năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **22** tháng **4** năm 2025

Kính gửi: Quý đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH13 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/2/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu;

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đề nghị Quý đơn vị có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ bảo trì, hiệu chuẩn theo quy định của pháp luật báo giá dịch vụ bảo trì, hiệu chuẩn theo nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: (Phụ lục đính kèm).

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)

- Mục đích báo giá: Xây dựng dự toán bảo trì, hiệu chuẩn các thiết bị kiểm nghiệm năm 2025 của Viện.

- Thời hạn gửi báo giá: Trước 17h00 ngày 25/4/2025.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (yêu cầu có chữ ký và đóng dấu đỏ của đơn vị).

- Hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày.

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin – Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, Mai Dịch, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3933.5736;

Email: khvt@nifc.gov.vn

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Viện trưởng (để b/c);
- PVT. Trần Cao Sơn (để biết);
- Lưu: VT, KHVT.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Lê Thị Phương Thảo

Phụ lục

DANH MỤC BẢO GIÁ DỊCH VỤ BẢO TRÌ, HIỆU CHUẨN(Kèm theo Công văn số: 87 /VKNOG – KHVT ngày 22 / 4 /2025)

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
1	Quang phổ hấp thụ nguyên tử	NIFC.03.E.02	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Agilent
2	LC-MS/MS 6460	NIFC.04.E.01	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Agilent
3	GC-MS/MS 7000B	NIFC.04.E.06	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Agilent
4	Máy xơ tiêu hóa	NIFC.02.E.44	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Ankom
5	Máy đo điểm chớp cháy	NIFC.02.E.38	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Anton Paar
6	Tỷ trọng	NIFC.05.E.88	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Anton Paar
7	Khúc xạ kế	NIFC.05.E.89	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Anton Paar
8	Máy đo tỉ trọng	NIFC.14.E.04	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Anton Paar
9	Vitek MS	NIFC.06.E.104	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Biomerieux
10	Vitek MS	NIFC.06.E.104	Tháng 11	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Biomerieux
11	Máy PCR thường Biorad S1000	NIFC.06.E.50	Tháng 5	Bảo trì, bảo dưỡng	Vệ sinh thiết bị, kiểm tra thông số nhiệt độ, hiệu chuẩn nhiệt độ của block nhiệt theo tiêu chuẩn của hãng	Biorad
12	Máy Realtime - PCR Biorad CFX96	NIFC.06.E.116	Tháng 5	Bảo trì, bảo dưỡng	Vệ sinh thiết bị, kiểm tra phần cứng, kiểm tra hệ quang, kiểm tra	Biorad

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
					nhiệt độ, hiệu chuẩn block nhiệt theo tiêu chuẩn của hãng	
13	Hệ thống sắc ký lớp mỏng (HPTLC)	NIFC.05.E.064	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Camag
14	Máy đo độ ồn có phân tích dải tần kèm chuẩn ồn (class 1) CEL-62X	NIFC.01.E.56	Tháng 7	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại: 94, 104, 114 dB ở các mức tần số 31,5; 63; 125; 250; 500; 1000; 2000; 4000; 8000 Hz	Casella
15	Máy đo hoạt độ phóng xạ alpha, beta	NIFC.03.E.20	Tháng 11	Hiệu chuẩn	Tổng hoạt độ alpha, beta	Doza
16	Máy đo tốc độ gió 6501-0G	NIFC.01.E.55	Tháng 7	Hiệu chuẩn	Hiệu chuẩn tại các vận tốc: 0,5; 1,0; 2,0; 5,0; 7,0; 10,0; 30 m/s	Kanomax
17	Máy đếm hạt tiêu phân LAASSAIR PRO 310	NIFC.01.E.65	Tháng 8	Hiệu chuẩn	Kích thước hạt 0,3; 0,5; 1; 5; 10; 25 μ m Tốc độ dòng, zero counts	LAASSAIR PRO
18	Máy lọc nước siêu sạch	NIFC.13.E.01	Tháng 11	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Meck Millipore
19	Máy chuẩn độ điện thế	NIFC.05.E.0610	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng, hiệu chuẩn	Theo tiêu chuẩn của hãng	Mettler Toledo
20	Máy chuẩn độ điện thế	NIFC.02.E.18	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Mettler Toledo
21	Quang phổ phát xạ ICP-OES	NIFC.03.E.03	Tháng 11	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Perkin Elmer
22	Phổ khối nguyên tử ICP-MS ghép nối với LC	NIFC.03.E.04	Tháng 11	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Perkin Elmer
23	Phổ khối nguyên tử ICP-MS	NIFC.03.E.17	Tháng 12	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Perkin Elmer
24	Máy nghiền RESTECH trong hệ thống hô hấp	NIFC.06.E.105	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Restech

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
25	Các bộ lưu điện UPS của thiết bị kiểm nghiệm 10kVA: 13 10kVA, ắc quy ngoài: 7 6KVA: 2 6kVA, ắc quy ngoài: 1 3KVA: 7 2KVA: 5 1KVA: 1		Tháng 8	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì, bảo dưỡng, vệ sinh và đo nội trở ắc quy	Santak
26	LC-MS/MS 5500 AB Sciex	NIFC.04.E.02	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Sciex
27	LC-MS/MS 6500 AB Sciex	NIFC.04.E.09	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Sciex
28	Sắc ký lỏng hiệu năng cao 1	NIFC.02.E.01	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Shimadzu
29	Sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC 20A/Shimadzu	NIFC.02.E.26	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Shimadzu
30	Sắc ký lỏng hiệu năng cao shimadzu 40D	NIFC.02.E.90	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Shimadzu
31	Hệ thống HPLC LC-20A (Shimadzu)	NIFC.02.E.13	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Shimadzu
32	Hệ thống định danh và giải trình tự gene vi khuẩn kèm theo thiết bị mẫu	NIFC.06.E.189	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Thermo Scientific
33	Sắc ký ion	NIFC.03.E.01	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
34	Sắc ký khí GC-FID/ECD Trace 1310/Thermo	NIFC.04.E.48	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
35	Sắc ký khí GC-FID Trace 1310	NIFC.04.E.10	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
36	LC-HR-MS	NIFC.04.E.47	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
37	Máy sắc ký khí khối phổ ba tứ cực TSQ 9000/Thermo	NIFC.04.E.52	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
38	Sắc ký khí khối phổ ISQ 7000	NIFC.04.E.49	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
39	Trace GC 1610 (Thermo)	NIFC.04.E.108	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
40	Sắc ký khí khối phổ phân giải cao	NIFC.02.E.72	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
41	Hệ thống sắc ký trao đổi ion hiệu năng cao HPAEC-PAD	NIFC.02.E.91	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Thermo Scientific
42	Realtime – PCR Quantstudio 6 Flex	NIFC.06.E.114	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Thermo Scientific
43	Máy PCR-RT 7500 Dx	NIFC.06.E.200	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Thermo Scientific
44	Máy PCR-RT 7500	NIFC.06.E.157	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Thermo Scientific
45	Máy đếm tế bào dòng chảy Attune NxT	NIFC.06.E.115	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Thermo Scientific
46	Hệ thống quang phổ hồng ngoại gần FT-NIR /Thermo	NIFC.02.E.68	Tháng 11	Bảo trì, bảo dưỡng	Kiểm tra, hiệu chuẩn toàn bộ thiết bị	Thermo Scientific
47	Tủ nuôi chuột MVCS rack top type	NIFC.06.E.194	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Three Shine

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
48	Máy cất béo bán tự động	NIFC.02.E.16	Tháng 5	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Velp
49	Máy cất béo bán tự động	NIFC.02.E.106	Tháng 5	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Velp
50	Hệ thống phân tích đạm (bộ vô cơ mẫu 20 vị trí, bộ hút khí độc, bộ chung cất tự động)	NIFC.02.E.40	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Velp
51	Hệ thống phân tích đạm (bộ vô cơ mẫu 20 vị trí, bộ hút khí độc, bộ chung cất tự động)	NIFC.02.E.107	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Velp
52	Máy xơ thô	NIFC.02.E.41	Tháng 6	Bảo trì, bảo dưỡng	Theo tiêu chuẩn của hãng	Velp
53	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC Alliance e2695/Waters)	NIFC.05.E.061	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
54	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (UPLC Acquity H Class/Waters)	NIFC.05.E.062	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
55	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC Alliance e2695/Waters)	NIFC.05.E.063	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
56	Hệ thống sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC Alliance e2695/Waters)	NIFC.05.E.069	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
57	LC-MS/MS Xevo TQD	NIFC.05.E.0613	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
58	Thiết bị sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC	NIFC.05.E.0615	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters

STT	Tên thiết bị	Mã số thiết bị	Thời gian thực hiện	Nội dung thực hiện	Chi tiết yêu cầu	Hãng thiết bị
59	UPLC - H Class	NIFC.04.E.03	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
60	LC-MS/MS Xevo XS	NIFC.02.E.29	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
61	Máy sắc ký lỏng hiệu năng cao HPLC Alliance e2695-Waters	NIFC.02.E.36	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
62	Sắc ký lỏng hiệu năng cao waters	NIFC.02.E.71	Tháng 10	Bảo trì, bảo dưỡng	Bảo trì toàn bộ hệ thống và kiểm tra lại một số thông số theo OQ thiết bị	Waters
63	Hệ thống cung cấp khí sạch tại tầng 4		Tháng 8	Bảo trì, bảo dưỡng	Vệ sinh hệ thống, thay thế các màng lọc hepa	